TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31A /2021/HS-ST
Ngày 08 - 6 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thọ
Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021;

Đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Ngọc A**, sinh năm 1965 tại: xã X, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: thôn 9, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Anh T (đã chết) và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1930; có vợ là Hồ Thị H, sinh năm 1962 và 02 con; con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2021 đến ngày 22/02/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

2. **Nguyễn Trí T** (tên gọi khác Nguyễn Chí T**)**, sinh năm 1972 tại: xã T, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: thôn 9, xã T, huyện Thọ Xuân, tỉnh Tnghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12;dântộc:Kinh;giớitính:Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trí Đ (đã chết) và bà Hà Thị T (đã chết); có vợ là Phạm Thị N, sinh năm 1973 và 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/7/2000, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội: " Trộm cắp tài sản"; đã chấp hành xong bản án và án phí.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2021 đến ngày 22/02/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn " Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

3. **Trịnh Ngọc S**, sinh năm 1966 tại: xã P (nay là xã P), huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: Khu phố Đoàn Kết, thị trấn L, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Như L (đã chết) và bà Trịnh Thị H (đã chết); có vợ là Lê Thị C, sinh năm 1980 và 03 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 22/02/2016, bị Đồn Công an M, huyện Th, tỉnh T xử phạt hành chính về hành vi " ĐA bạc ", hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000đ. Ngày 26/02/2016, đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2021 đến ngày 22/02/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn " Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

4. **Lê Năng H**, sinh năm 1958 tại: xã T (nay là xã X), huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: thôn B, xã X, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 07/10; Đảng viên Đảng cộng sản Việt nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 06/5/2021); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Năng V (đã chết) và bà Lê Thị L (đã chết); có vợ 1 là Hồ Thị T (đã chết), vợ 2 là Lê Thị Đ, sinh năm 1968 và 03 con, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2021 đến ngày 22/02/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn " Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

- *Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, địa chỉ: thôn 9, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

Ông Đỗ Chí Â, sinh năm 1961

Địa chỉ: thôn 9, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ lên quan:*

Bà Hồ Thị H, sinh năm 1961, địa chỉ: thôn 9, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ ngày 19/02/2021, Nguyễn Ngọc A dùng điện thoại gọi cho Lê Năng H, Nguyễn Trí T và Trịnh Ngọc S đến nhà tại thôn 9, xã T để ăn cơm, uống rượu. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, sau khi Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Trí T ăn cơm xong, đang ngồi uống nước thì Lê Năng H và Trịnh Ngọc S tới. Lúc này, Nguyễn Ngọc A rủ Nguyễn Trí T, Trịnh Ngọc S, Lê Năng H đánh phỏm ăn tiền thì mọi người đều đồng ý. Nguyễn Ngọc A lấy trong phòng ăn một chiếu cói mang lên sân tầng 2 để T trải ra và lấy ở quầy hàng tạp hoá của gia đình một bộ bài tú lơ khơ loại 52 cây mang lên để các bị cáo đánh bạc.

Các bị cáo A, T, S, H đánh bạc dưới hình thức *"đánh phỏm"* ăn tiền, sử dụng bài tú lơ khơ 52 cây để chơi: mỗi ván là ai nhất được ăn cả, người nào về nhì mất 10.000 đồng , người về ba mất 20.000 đồng , người về bét mất 30.000 đồng cho người về nhất; ai "ù" (tức bài có toàn phỏm) thì được của mỗi người chơi 50.000 đồng; ai bị móm (tức không có phỏm) thì mất 40.000 đồng cho người về nhất; ai nhất ván này thì được cầm bài chia ván sau; quá trình đánh không thu tiền hồ cho chủ nhà.

Đến khoảng 14 giờ 50 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang thực hiện hành vi đánh bạc thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền 2.080.000 đồng dưới chiếu tại vị trí ngồi của các bị cáo, 52 cây bài tú lơ khơ và 01 chiếu cói các bị cáo dùng để đánh bạc. Thu giữ trong ví da trên người của Nguyễn Ngọc A số tiền 2.840.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh ngọc; thu giữ trên người Lê Năng H số tiền 2.300.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1280 màu xanh đen; thu giữ trên người Nguyễn Trí T số tiền 800.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 203 màu trắng; thu giữ trên người Trịnh Ngọc S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 màu đen. Lực lượng Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong toàn bộ vật chứng trên.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Ngọc A tại thôn 9, xã T, huyện T, Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ thêm 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây gồm 01 bộ tại gầm giường phòng ngủ thứ hai, bên trái tính từ cầu thang lên tầng 2 và 01 bộ tại góc bên trái sân thượng tầng 2.

Nguyễn Ngọc A khai báo khi vào đánh bạc có 400.000 đồng dùng để đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang thì A đang thắng, có số tiền 960.000 đồng để dưới chân; Nguyễn Trí T khai khi vào đánh bạc mang theo 960.000 đồng để đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang thì T đang hòa, có số tiền 160.000 đồng để dưới chân và 800.000 đồng trong người; Trịnh Ngọc S khai khi vào đánh bạc mang theo 800.000

đồng, thời điểm bị bắt quả tang thì S đang thua, còn lại 360.000 đồng để dưới chân. Lê Năng Hùng khai khi vào đánh bạc mang theo 2.500.000 đồng để đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang thì H đang thắng, có số tiền 600.000 đồng để dưới chân và 2.300.000 đồng trong người. Tổng số tiền các bị can dùng đánh bạc là **5.180.000** đồng.

Đối với số tiền 2.840.000 đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) thu giữ trong ví da của bị cáo A. Quá trình điều tra, bị cáo A và vợ (bà Hồ Thị H) khai nhận đây là số tiền bán hàng tạp hoá của gia đình, không sử dụng đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành trưng cầu giám định đối với số tiền đã thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 977/PC09 ngày 05/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận số tiền thu giữ đều là tiền thật.

Ngoài các bị cáo có hành vi đánh bạc còn có Nguyễn Văn T có mặt tại nơi đA bạc nhưng xác định không liên quan đến hành vi đánh bạc nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với 04 điện thoại di động mà Cơ quan điều tra đã thu giữ, qua kiểm tra không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo.

Vật chứng của vụ án gồm: Vật chứng vụ án:

- 01 chiếu cói, 03 bộ bài tú lơ khơ (mỗi bộ gồm 52 cây bài), đã qua sử dụng;
- 8.020.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKSTX ngày 27/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T đã truy tố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Trí T, Trịnh Ngọc S và Lê Năng H về tội " ĐA bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Trí T, Trịnh Ngọc S và Lê Năng Hđều thừa nhận hành vi đánh bạc như nội dung Cáo trạng nêu là đúng và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Trí T, Trịnh Ngọc S và Lê Năng Hphạm tội " Đánh bạc ".

Về hình phạt đề nghị:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc A và Trịnh Ngọc S.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A từ 07 tháng đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng.

Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc S, từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án

treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Năng H.

Xử phạt bị cáo Lê Năng H từ 09 (chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Nguyễn Trí T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trí T từ 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng tù.

Về vật chứng đề nghị: Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền VNĐ: 5.180.000 đồng; Trả lại cho bị cáo A số tiền 2.840.000 đồng thu giữ của bị cáo A, số tiền này không sử dụng đánh bạc; Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc chiếu cói và 03 bộ bài tú lơ khơ 52 cây.

Về án phí: buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo nhận tội và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật, xin được giảm nhẹ mức hình phạt và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Trí T, Trịnh Ngọc S và Lê Năng H đều thành khẩn nhận tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trong phần tranh luận các bị cáo đều chấp nhận với lời luận tội của Viện Kiểm sát và đều thừa nhận có tội đúng như lời luận tội của Kiểm sát viên. Tổng số tiền bị lực lượng Công an huyện T thu tại chiếu bạc và thu trên người các bị cáo là 8.020.000 đồng (*Tám triệukhông trăm hai mươi nghìn đồng*). Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền tham gia đánh bạc như sau: Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 2.080.000đ dưới chiếu tại vị trí ngồi của các bị cáo, thu giữ trong ví da trên người Nguyễn Ngọc A số tiền 2.840.000 đồng (Đây là số tiền bán hàng tạp hóa của gia đình A, không dùng đánh bạc), thu giữ trên người Lê Năng H số tiền 2.300.000 đồng, thu giữ trên người

Nguyễn Trí T số tiền có 800.000đ.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; Hành vi của các bị cáo được thực hiện do cố ý. Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Trí T, Trịnh Ngọc S và Lê Năng H đã phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh của xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm, tệ nạn xã hội khác. Ban đầu chỉ là giải trí cho vui, dần càng dấn sâu vì cay cú, ăn thua, làm cho nhiều gia đình mâu thuẫn, đánh lộn lẫn nhau, tan cửa, mất nhà. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, song vì hám lợi các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an toàn và trật tự công cộng. Do đó, cần phải xử lý vụ án nghiêm minh, tương xứng với hành vi của từng bị cáo, mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét vai trò, vị trí và trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất chặt chẽ, nên chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Ngọc A là chủ nhà, đã tạo điều kiện về địa điểm, chuẩn bị chiếu và bài cho các đối tượng tham gia đánh bạc, khởi xướng việc đánh bạc, ngoài ra còn trực tiếp tham gia đánh bạc, nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Trí T, có nhân thân xấu trực tiếp tham gia đánh bạc ngay từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang, nên xếp bị cáo T ở vai trò thứ 2 trong vụ án.

Bị cáo Trịnh Ngọc S đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc", tham gia đánh bạc ngay từ đầu nên xếp ở vai trò thứ ba trong vụ án.

Bị cáo Lê Năng H là người có nhân thân tốt, vi phạm pháp luật lần đầu nên xếp bị cáo ở vai trò sau cùng trong vụ án.

[5] Xét về nhân thân, lý lịch các bị cáo và hướng xử lý đối với các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Ngọc A, có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật lần nào, có nơi cư trú rõ ràng và xét có khả năng tự cải tạo. vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo A có quá trình khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Trí T đã từng bị kết án, tuy đã chấp hành xong bản án và án phí từ ngày 27 tháng 7 năm 2001 nhưng nay lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ rằng bị cáo không có khả năng tự cải tạo nên phải bắt cách ly ngoài xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo thành người tốt và để cho bị cáo thấy sự nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo T có quá trình khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trịnh Ngọc S, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc" nhưng đã chấp hành xong, có nơi cư trú rõ ràng và xét có khả năng tự cải tạo. vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo S có quá trình khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s,i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Năng H, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng và xét có khả năng tự cải tạo. Bị cáo H, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có quá trình khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, quy đổi theo cách tính cứ một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Lê Năng H bị tạm giữ từ ngày 19/02/2021 đến ngày 22/02/2021 là 03 ngày, được quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ; Bị cáo có nghề nghiệp là lao động tự do, thu nhập thấp và không xác định được mức thu nhập, hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, nên miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh và điều kiện kinh tế các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Trí T, Trịnh Ngọc S và Lê Năng H đều đang gặp khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Trí T, Trịnh Ngọc S; Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Năng H.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 chiếc chiếu cói và 03 bộ bài tú lơ khơ 52 cây thu giữ khi bắt quả tang là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng đánh bạc, không còn giá trị, không sử dụng được, nên cần tịch thu và tiêu hủy; số tiền VNĐ: 5.180.000 đồng là tiền thu

giữ được tại chiếu bạc và trong người các đối tượng tham gia đánh bạc, được xác định là tiền dùng đánh bạc, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền 2.840.000 đồng thu giữ trong ví da của A, quá trình điều tra A và vợ là Hồ Thị H khai nhận đây là số tiền bán hàng tạp hóa của gia đình, không sử dụng đánh bạc nên cần trả lại cho gia đình A.Toàn bộ số tang vật trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[8] Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

Đối với Nguyễn Văn T có mặt tại nơi đánh bạc nhưng không liên quan đến hành vi đA bạc nhưng xác định không liên quan đến hành vi đánh bạc nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A, ngoài hành vi đánh bạc bị truy tố; bị cáo còn có hành vi: " tạo điều kiện về địa điểm, chuẩn bị chiếu và bài cho các đối tượng tham gia đánh bạc". Tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo không thu tiền của các đối tượng đánh bạc và không được hưởng lợi từ việc các đối tượng đánh bạc tại nhà mình, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với bị cáo về hành vi "gá bạc" là phù hợp.

Đối với 04 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến tội phạm, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Trí T, Trịnh Ngọc S và Lê Năng H phạm tội " Đánh bạc".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A và Trịnh Ngọc S;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Năng H;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trí T.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc A cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc S 7 (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Ngọc S cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Lê Năng H, 9 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng đ-ược trừ đi thời gian đã bị tạm giữ 03 ngày, quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 8 (Tám) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trí T, 08 (Tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ 03 ngày đã bị tạm giữ.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Trí T, Trịnh Ngọc S; Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Năng H.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền VNĐ: 5.180.000đ (Năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng); Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc A số tiền 2.840.000đ.(Hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc chiếu cói và 03 bộ bài tú lơ khơ 52 cây.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo Biên bản giao nhận vật chứng số 41 ngày 06/5/2021.

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Trí T, Trịnh Ngọc S và Lê Năng H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Hồng Đức